

CHÍNH SÁCH THU VÀ VỐN THU HÚT ĐẦU TƯ VIỆT NAM

*Chuẩn bị bởi
Tiểu Nhóm Công tác Thu
Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam*

Tiếp tục cùng Quốc hội khóa 13 ngày 7/4/2016, sau khi tuyên bố nhiệm vụ, Chính phủ mới đã thành lập đội điều tra Tân thị trường kỹ thuật số và kinh tế là một Chính phủ gần dân, một Chính phủ hành động và quy tâm chính. Về hiện thực hóa chương trình hành động cùng doanh nghiệp, ngày 29/4/2016 tại TP Hồ Chí Minh đã diễn ra Hội nghị Thị trường kỹ thuật số và doanh nghiệp năm 2016 do Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc chủ trì, lắng nghe ý kiến của doanh nghiệp Việt Nam. Công chính thức qua Hội nghị này mà ngay sau đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp năm 2020 nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên, ngoài các giải pháp về cách hành chính, tạo động môi trường đầu tư thu hút, bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, thì những giải pháp về chính sách thu vốn còn rất chung chung. Bên cạnh đó, trong thời gian qua, vì các vấn đề các quy định, chính sách về quan thuế các công việc còn tồn tại nhiều khó khăn, bất cập, chèn ép, tổn hại tới lợi ích thu nhập cho doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam. Trong bối cảnh này, chúng tôi xin đề xuất một số vấn đề như sau:

1. Bối cảnhVấn đề:

Doanh nghiệp ngoài nước đầu tư vào Việt Nam có nhiều thách thức khi tiếp cận Chính phủ. Những rào cản mà doanh nghiệp gặp phải đã quy định trên Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của doanh nghiệp. Như vậy, nhà đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp nước ngoài quy định các giải pháp này không thể tiếp cận pháp luật có sự thay đổi. Pháp luật đầu tư công nhận, duy trì nền tảng và bổ sung các rào cản đầu tư, thu nhập và các quy định, lợi ích hợp pháp khác của nhà đầu tư, thanh toán tiền và phát triển lâu dài của các hoạt động đầu tư.

Tuy nhiên, một số cơ quan thuế địa phương đã có những ý kiến hoặc những quan ngại khác về các vấn đề bên lề ngành để hạn chế của Chính phủ, bác bỏ yêu cầu trên Giấy chứng nhận đầu tư của doanh nghiệp, và yêu cầu doanh nghiệp áp dụng theo quy định của Pháp luật hiện hành, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi tiến hành quá trình đầu tư, kinh doanh sản xuất trên thị trường Việt Nam.

Vì các quan thuế yêu cầu áp dụng theo quy định pháp luật hiện hành và bác bỏ những yêu cầu của doanh nghiệp nên nhiều nhà đầu tư có thể coi là những công việc bình thường của Chính phủ Việt Nam, không nên bỏ quyền lợi của nhà đầu tư.

Kiến nghị:

VBF ngành Chính phủ, BTC địa phương, quản trị tài chính và các quan thuế địa phương về tôn trọng các rào cản đầu tư của doanh nghiệp để ghi rõ và yêu cầu Giấy chứng nhận đầu tư, tránh tình trạng xử lý thiếu minh bạch khi doanh nghiệp ngoài nước tham gia và giảm sút lòng tin vào môi trường đầu tư của Chính phủ.

2. Vấn đề án đầu tư mới trong giai đoạn 2009 - 2013Vấn đề:

Thị trường đầu tư của Doanh nghiệp có đầu tư tăng tài sản của nhà đầu tư nhưng chi phí đầu tư và Giấy chứng nhận đầu tư

ban của Doanh nghiệp công nghệ không ghi công suất cá nhân; do tính tài sản nên công suất tính so với trẻ em. Do vậy Cục thuế có quan tâm do công suất tăng lên nên doanh nghiệp phải phát sinh thuế mới, do đó không chấp nhận thuế TNDN vì vi phạm như phân bổ cho phần thuế mới.

Kiểm nghị:

VBF ngành B Tài chính cần quy định thuế mới trong giai đoạn 2009-2013 theo số thuế mới quy định xác định khi Doanh nghiệp có ích lợi kinh tế và ảnh hưởng tích cực đến xã hội trong giai đoạn đó.

3. Quy định về việc áp dụng thuế mới

Vấn đề:

Chúng tôi hiểu rằng, Chính phủ đã đề xuất thêm chi phí cho mô hình thuế mới như sau: “Đáp ứng chi phí mới 6.000 tỷ đồng, tuy nhiên lợi ích ngân sách 6.000 tỷ đồng tăng trong thời gian 03 năm kể từ khi áp dụng” của các ngành thuế suất mới 10% trong thời gian 15 năm.

Đây là một quy định nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, công nghệ mới thêm chi phí hút vốn đầu tư của các nhà đầu tư trong, ngoài nước khi thực hiện tại Việt Nam. Tuy nhiên, mặt khác công bố, Dự thảo Nghị định của Chính phủ cho ngành doanh nghiệp có đáp ứng mức vốn đầu tư lên đến 6.000 tỷ (ví dụ 10.000 hoặc 20.000 tỷ) và trong thời gian 03 năm kể từ khi áp dụng, doanh nghiệp phải triển khai vốn đầu tư 6.000 tỷ đồng trở lên.

Kiểm nghị:

ngành số 1 kho số 5 N 218 như sau:

“... - Đáp ứng quy mô vốn đầu tư mới 6 nghìn tỷ đồng, lợi ích ngân sách 6 nghìn tỷ đồng không quá 3 năm kể từ khi áp dụng và có tổng doanh thu mới đầu tư 10 nghìn tỷ đồng/năm kể từ sau 3 năm kể từ năm có doanh thu.

- Đáp ứng quy mô vốn đầu tư mới 6 nghìn tỷ đồng, lợi ích ngân sách 6 nghìn tỷ đồng không quá 3 năm kể từ khi áp dụng và số lao động trên 3.000 lao động kể từ sau 3 năm kể từ năm có doanh thu.”

4. Về việc áp dụng thuế mới từ ngày 1/1/2014

Vấn đề:

Mức dù Công văn số 12404/BTC-TCT và Thông tư 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Doanh nghiệp mới thành lập đầu tư về áp dụng Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư ngày 01/01/2014 như đang trong quá trình đầu tư, chia vào hoạt động, chia phát sinh doanh thu thì chấp nhận thuế thu nhập doanh nghiệp theo đáp ứng mới, quy định không yêu cầu Doanh nghiệp phải có Giấy chứng nhận đầu tư ích lợi kinh tế ngày 01/01/2014 cá nhân đó chấp nhận thuế TNDN như việc áp dụng mới.

Tuy nhiên, mặt khác quan trọng hơn Doanh nghiệp vẫn phải đáp ứng yêu cầu “áp dụng Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư ích lợi kinh tế ngày 01/01/2014 cá nhân đó” thì mới chấp nhận thuế TNDN như đáp ứng mới về việc đầu tư bắt đầu vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính 2014, nếu không có nghĩa là việc đầu tư trong Khu công nghiệp đáp ứng yêu cầu chấp nhận thuế mới, nếu doanh nghiệp không có ích lợi kinh tế Giấy phép đầu tư và đầu tư vào hoạt động trong năm 2014 thì doanh nghiệp sẽ không chấp nhận thuế TNDN, trong khi số vốn Doanh nghiệp chi trả vào hoạt động sản xuất kinh doanh thì DN sẽ chấp nhận thuế TNDN.

Chúng tôi cho rằng Bộ Tài chính đã nhìn nhận rằng việc chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang doanh nghiệp tư nhân là mang tính tất yếu, không phải là yếu tố quyết định về mặt giá trị cốt lõi coi là mục tiêu của chúng tôi. Theo đó Bộ Tài chính đã có công văn hướng dẫn các Cục thuế các tỉnh, Thành phố về thi hành chính thức của Bộ vào Thông tư 96 ban hành năm 2015. Việc áp dụng cácامتسح quan trọng về yêu cầu phải có Giấy chứng nhận chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước vào hoạt động trong năm 2014 và không hợp lý và bất bình đẳng.

Kiểm nghị:

Chúng tôi kiến nghị Bộ Tài chính cần nghiên cứu các quan trọng thể hiện trong luật, tổ chức cho các nhà đầu tư, cần là quy định “Doanh nghiệp mới thành lập từ đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư từ ngày 01/01/2014 nhưng đang trong quá trình đầu tư, chuyển vào hoạt động, chuyển phát sinh doanh thu thì chúng tôi miễn thu thuế doanh nghiệp theo dự định đầu tư mới” để áp dụng thống nhất kể từ năm 2014, thay vì chỉ áp dụng riêng cho các doanh nghiệp chuyển vào hoạt động từ năm 2015.

5. Chi phí phúc lợi cho gia đình người lao động năm trong mức khung chi 1 tháng lương bình quân

Vấn đề:

Theo các quy định hiện tại, phúc lợi chi trả cho người lao động không có vượt quá mức tháng lương bình quân cho mức ích thu TNDN. Trên thực tế, các quy định này đã và đang khuyến khích doanh nghiệp quan tâm nhiều hơn đến người lao động. Tuy nhiên, quy định hiện tại ghi rõ khoản chi có tính chất phúc lợi chi trả cho người lao động nên thực tế khi doanh nghiệp thực hiện mất cho người lao động có kèm gia đình hoặc các sắc nhân phẩm chung có mức gia đình người lao động (ví dụ ngày nghỉ gia đình), các chi phí cho gia đình của người lao động thường bỏ qua.

Việc tính chất là chi phúc lợi có mức khuyến khích người lao động nên vì cảm nhận được tham gia bao gồm gia đình họ cũng nâng cao tính gắn kết của người lao động với công ty. Việc theo dõi tách chi phí cho từng người lao động và gia đình họ không thực tế và khó khăn vì số lượng tham gia đông, người tham gia thực tế và ký khác biệt nhiều.

Kiểm nghị:

VBF đề nghị Bộ tài chính xem xét sự quy định như sau: “Khoản chi có tính chất phúc lợi chi trả cho người lao động mà doanh nghiệp có hóa đơn, chứng theo quy định như: chi khám sức khỏe, chi khám thân và gia đình người lao động; chi nghỉ mát, **chi các khoản phúc lợi cho bản thân và gia đình người lao động**; chi hỗ trợ đi du lịch; chi hỗ trợ bổ sung kinh tế chi trả phần trăm thưởng; chi hỗ trợ đi du lịch; chi hỗ trợ gia đình người lao động bằng hình thức chi trả tại nhà, tại trường, tại nơi làm việc; chi khen thưởng con cái của người lao động có thành tích tốt trong học tập; chi hỗ trợ chi phí đi lại ngày lễ, tết cho người lao động và những khoản chi có tính chất phúc lợi khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; tổng chi không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thể hiện trong năm tính thuế.”

6. Quy định về các khoản lợi ích khác của người lao động

Vấn đề:

Bên cạnh các khoản tiền thưởng cho người lao động, doanh nghiệp có thể áp dụng một số chính sách thu nhập bất kỳ khuyến khích người lao động, cần bất kỳ là các vị trí cao cấp trong công ty. Ví dụ: bổ sung các khoản cho con cái người lao động, chi phí vé máy bay hàng năm về thăm nhà cho gia đình, tiền xin visa cho con (việc người lao động nước ngoài), v.v... Những khoản lợi ích bất kỳ này cũng nhằm khuyến khích và giữ chân người lao động làm việc lâu dài cho công ty, tổ chức khác biệt nhiều người lao động. Các khoản lợi ích này khi phát sinh là khoản thu nhập chịu thuế TNCN.

Trên thực tế, các quan thuế vào kiểm tra thường yêu cầu loại các khoản chi phí này khi chi phí hợp lý của doanh nghiệp.

Kiểm nghị:

Các khoản lợi ích cho gia đình người lao động như chi trả tiền Hưu dưỡng lao động, chính sách nhân sự của công ty thực chất là một phần của chính sách thu nhập nhằm khuyến khích và nâng viên hàng ngũ của công ty. Các khoản lợi ích này đều đã đóng thuế TNCN nên công nhân coi là chi phí hợp lý của doanh nghiệp.

Do đó, VBF xin đề nghị bổ sung điểm khoản 2 điều 9, Nghị định 218/2013/NĐ-CP như sau: “...các khoản chi tiêu hàng ngày, chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động, **các khoản lợi ích khác cho người lao động (bao gồm cả gia đình người lao động)** không được ghi chi tiêu kê khai hàng năm và mức chi tiêu tối đa trong các hồ sơ sau: Hưu dưỡng lao động; Tiền lương hưu; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế chi tiêu do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty...”

7. Quy định về khoản chi hoa hồng và thưởng doanh nghiệp cho cá nhân

Vấn đề:

Các doanh nghiệp bên cạnh việc phát sinh chi phí hoa hồng, thưởng do doanh nghiệp cho cá nhân vì lý do kinh doanh, chi trả hợp pháp nên coi là chi phí hợp lý cho mục đích thu TNDN. Thực tế các cá nhân có thể là chủ sở hữu và công nhân là cá nhân.

Theo tinh thần của Điều 10 Nghị định mới, chúng tôi hiểu rằng, các khoản thu nhập từ hoa hồng hoặc hoa hồng do bán hàng doanh nghiệp xác định là doanh thu ngoài doanh thu khoán hoặc doanh thu theo hóa đơn. Hiện nay, Điều 10 quy định về chi trả khoản thu nhập này sẽ có nghĩa vụ khấu trừ thu nhập cá nhân. Do vậy, việc chi trả cá nhân bên cạnh các khoản doanh thu này đã hoàn thành nghĩa vụ thuế của mình, nên yêu cầu các cá nhân phải xử lý hóa đơn doanh nghiệp có thể ghi nhận khoản chi này là chi phí hợp lý sẽ gây nhiều khó khăn và không hợp lý về mặt pháp lý là cá nhân này.

Kiểm nghị:

Chúng tôi kiến nghị Chính phủ sửa đổi bổ sung Khoản 5, điều 1, Nghị định 12 như sau: “a) Khoản chi tiêu phát sinh liên quan hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản chi sau:

- **Khoản chi hoa hồng, khoản thưởng danh nghiệp cho cá nhân không có hóa đơn GTGT**

- Khoản chi cho chi phí bồi dưỡng và an ninh, huấn luyện, hoạt động xã hội công dân quân sự và phục vụ các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khác theo quy định của pháp luật; khoản chi hỗ trợ phục vụ cho hoạt động xã hội, tổ chức chính trị-xã hội trong doanh nghiệp;”

8. Vấn đề chuyển nhượng vốn

Vấn đề:

Theo quy định của Khoản 1, điều 14, Thông tư 78/2014/TT-BTC thì các quan thuế áp dụng yêu cầu thuế các trường hợp chuyển nhượng toàn bộ công ty Công ty TNHH mà thành viên do chủ sở hữu có góp vốn chuyển nhượng bằng chứng sản phẩm kê khai theo hoạt động chuyển nhượng bằng chứng sản phẩm số 08, cho dù phần bằng chứng sản phẩm tài khoản trong tài sản của Công ty. Điều này không phù hợp ảnh hưởng đến chi trả giao dịch.

Bên cạnh đó, hiện nay theo hướng dẫn của các quan thuế trong mô thức công văn trả lời (ví dụ: Công văn 766/TCT-DNL ngày 29/2/2016), việc chuyển nhượng vốn gián tiếp, bên có thu nhập từ chuyển nhượng (Công ty A) được xem là phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân.

Nam và do đó, thu nhập từ kinh doanh khai, nhập thu chuyển nhượng vốn tại Việt Nam. Trong khi đó, tại nước B, doanh nghiệp A cũng phát sinh thu nhập từ chuyển nhượng vốn và cũng phải nhập thu chuyển nhượng vốn tại nước B, dẫn đến việc thu bị đánh trùng 2 lần trên cùng một thu nhập.

Kiểm nghị:

Quốc gia B Tài chính/Tổng cục thuế sẽ quy định rõ có hình thức thanh toán hình nào phải kê khai theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 (có thể căn cứ theo tỷ giá trị bất động sản so với tổng tài sản) phải phản ánh đúng bản chất của giao dịch là chuyển nhượng bất động sản. Liên quan đến hình thức chuyển nhượng vốn gián tiếp, Quốc gia B Tài chính/Tổng cục thuế có hình thức phân bổ thu nhập đánh thuế gia nhập của B và Việt Nam cũng như việc áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần như thế nào. Hiệp định giữa Việt Nam và nước A hay Hiệp định giữa Việt Nam và nước B sẽ có áp dụng.

9. Hoàn thu GTGT đối với các ngành nghề kinh doanh có chu kỳ sản xuất dài

Vấn đề:

Theo quy định tại Thông tư 130/2016/TT-BTC thì việc hoàn thu GTGT sẽ không còn áp dụng cho các doanh nghiệp có sản xuất các khâu trực tiếp liên tiếp 12 tháng trở lên nữa. Điều này sẽ ảnh hưởng đến ngành công nghiệp chế tạo, ví dụ ngành tàu xuất khẩu đòi hỏi kỹ thuật sản xuất dài hạn, thậm chí kỹ thuật tiên tiến hơn so với xuất khẩu đơn giản.

Tuy nhiên hiện vẫn chưa có quy định hoàn thu GTGT đối với trường hợp này, hiện nay, hoàn thu GTGT đối với hoạt động sản xuất tàu xuất khẩu vẫn áp dụng khi doanh nghiệp hoàn thành và xuất khẩu tàu ra nước ngoài, mà chu trình này có thể mất nhiều năm. Thực tế này đã dẫn đến những khó khăn đáng kể cho ngành sản xuất và chu kỳ dài và không thể khuyến khích phát triển kinh tế.

Kiểm nghị:

Chúng tôi đề nghị Chính phủ cho phép hoàn thu GTGT đối với dự án xuất trong các ngành công nghiệp sản xuất chế tạo tàu xuất khẩu có thu GTGT chưa vượt quá 300 triệu đồng trở lên.

10. Hoàn thu GTGT đối với kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu

Vấn đề:

Trên thực tế, đối với loại hình kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu, thu GTGT được đưa vào thành phần phát sinh các chi phí sau:

- (i) Chi phí mua hàng (tổng giá trị phát sinh thu GTGT tại khâu nhập khẩu)
- (ii) Chi phí liên quan trực tiếp tới quá trình nhập khẩu-xuất khẩu hàng hóa. Ví dụ: dịch vụ vận chuyển, chi phí lưu kho, bốc dỡ hàng,...; và
- (iii) Các chi phí không liên quan trực tiếp đến hoạt động nhập khẩu-xuất khẩu. Ví dụ: chi phí quản lý, chi phí chung,...

Tuy nhiên, căn cứ ví dụ minh họa tại điểm 3, Điều 1, Thông tư 130/2016/TT-BTC thì đang có cách hiểu và vướng mắc về vấn đề này như sau:

- Thu GTGT được đưa vào các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa (mục (i) và (ii)) đang nằm trong nhóm không được hoàn thu GTGT mà thực hiện khấu trừ. Chúng tôi đề nghị quy định rõ cách xử lý phù hợp với thực tiễn vì chúng tôi đang hiểu rằng sẽ thu GTGT được đưa vào nói trên không được hoàn theo quy định về thu nhập doanh nghiệp thì cũng không được hoàn về mặt quan hệ quan (?).
- Chưa có hình thức thanh toán về mặt xử lý đối với thu GTGT được đưa vào các khoản chi phí không liên quan trực tiếp đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa (mục (iii)).

Ví dụ: Thuế GTGT này có phân bổ hoàn thu hay không? Hay toàn bộ thu không hoàn?

Kiểm nghị:

Ông B Tài chính, Tổng cục Thuế hướng dẫn cách tính thuế GTGT vào các khoản chi phí liên quan trực tiếp/không trực tiếp như thế nào? Thuế GTGT vào các khoản chi phí nào sẽ hoàn/không hoàn thu chuyển khoản? Trường hợp hoàn thu thì sẽ chi trả hoàn toàn bằng thuế GTGT hay phân bổ theo tỷ lệ? Thuế GTGT của hàng hóa nhập khẩu (áp dụng khấu nhập khẩu), thì quy định lý hoàn thu (nếu có) sẽ do cơ quan thuế hay cơ quan hải quan thực hiện? Trường hợp không hoàn thu thì lý do là gì?

11. Hoàn thu GTGT về mặt doanh nghiệp và có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu; và có hàng hoá, dịch vụ bán trong nước

Vấn đề:

Theo điểm 3, điều 1, Thông tư 130/2016/TT-BTC thì: “4. Hoàn thu về mặt hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu: Các kinh doanh trong tháng/quý và có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu, và có hàng hoá, dịch vụ bán trong nước thì các kinh doanh phải hạch toán riêng số thuế GTGT vào sổ đăng cho số xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Trường hợp không hạch toán riêng thì số thuế giá trị gia tăng vào các hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu sẽ xác định theo tỷ lệ giá doanh thu các hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ các khai thuế giá trị gia tăng **tính từ khai thuế tiếp theo khi hoàn thu liên tục liên tục** **nghĩa hoàn thu liên tục**.”

Thông tư có cơ chế kê khai thuế và hoàn thuế, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cách xác định kê khai thuế hoàn. Cần, trong trường hợp các DN trực tiếp khi có doanh thu xuất khẩu có hoạt động kinh doanh nội địa, trả thuế GTGT vào phát sinh trong giai đoạn này là rất lớn, vậy DN sẽ xử lý phân bổ khoản thuế này theo hướng nào trong các hướng sau:

- Phân bổ theo tỷ lệ DT xuất khẩu trên tổng DT của toàn bộ kê khai thuế khi bắt đầu hoạt động khi phát sinh DT xuất khẩu, hay
- Phân bổ theo tỷ lệ DT xuất khẩu trên tổng DT của kê khai thuế có phát sinh DT xuất khẩu?

Cũng theo điểm 3, điều 1, Thông tư 130/2016/TT-BTC: “Số thuế GTGT vào các hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (bao gồm số thuế GTGT vào hạch toán riêng và số thuế GTGT vào phân bổ theo tỷ lệ nêu trên) nếu sau khi bù trừ số thuế GTGT nhập của hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nước còn lại ít hơn 300 triệu đồng thì các kinh doanh hoàn thuế cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Số thuế GTGT hoàn của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu không vượt quá doanh thu các hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhân (x) với 10%.”

Theo hướng dẫn nêu trên, các DN có hoạt động bán hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu và hoạt động bán hàng hóa, dịch vụ nội địa sẽ xác định các số thuế GTGT hoàn và không hoàn như sau:

- Số thuế GTGT không hoàn tổng cộng về mặt hàng hóa, dịch vụ nội địa.
- Số thuế GTGT hoàn tổng cộng về mặt hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu không vượt quá doanh thu các hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhân (x) với 10%.

Sau khi xác định các con số trên, có thể phát sinh trường hợp số thuế GTGT vào tổng cộng về mặt hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu vẫn còn dư và chuyển sang liên hoàn thuế sau. Hướng dẫn từ thông tư chưa nêu cách xử lý về mặt trường hợp này. Số thuế GTGT còn dư chuyển này sẽ được cộng vào tổng số thuế GTGT phát sinh kế tiếp phân bổ lại, hay sẽ được đối riêng và so sánh với 10% của doanh thu các hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu kế tiếp?

Kiểm nghị:

ngành BTC, TCT bổ sung ví dụ về cách tính số thuế GTGT được hoàn trong trường hợp DN có các hoạt động bán hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu và hoạt động bán hàng hóa, dịch vụ nội địa ngay lập tức thu hồi rõ ràng và áp dụng đúng quy định.

12. Hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có hàng hoá bán ra chịu thuế GTGT 5%

Hiện trong lĩnh vực y tế (làm việc trong ngành nghề thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân các sản phẩm kinh doanh như thuốc, nguyên liệu thuốc... thuế nhập khẩu thuế GTGT 5% theo Điều 10, khoản 11 Thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng.

Trong khi đó, các chi phí đầu vào mà doanh nghiệp mua hoặc thuê ngoài như chi phí dịch vụ thông quan, kho bãi, vận chuyển, chi phí thuê văn phòng, điện, nước, chi phí khuyến mãi, quảng cáo v.v. chịu thuế nhập khẩu thuế GTGT 10%. Tất cả các chi phí đầu vào của ngành y tế hiện tại thì về giá thành như khi nhập khẩu và chia sẻ hàng, doanh nghiệp thuê ngoài các dịch vụ bao gồm các kho bãi, logistics, khuyến mãi, quảng cáo v.v. có thể miễn thuế nhập khẩu và chi phí đầu vào.

Do hàng bán ra chịu thuế GTGT 5% trong khi đầu vào chịu thuế GTGT 10%, hiện nay doanh nghiệp công ty thuốc xuyên chịu thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết trong tháng. Tổng số thuế GTGT chưa khấu trừ trong năm của Công ty chúng tôi là rất lớn so với lợi nhuận em lợi nhuận kinh doanh.

Theo Điều 10 دستور Nghành hướng dẫn Luật 106/2016/QH13 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 2016, thì các doanh nghiệp có hàng hóa nhập khẩu suất 5% sẽ không chịu thuế nhập khẩu hoàn thuế GTGT đầu vào nữa, gây ra những thiệt hại nghiêm trọng cho hoạt động kinh doanh của Công ty do không có nguồn vốn lưu động. Vì thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết không được hoàn và phải ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty sản xuất, không thể tiếp tục hoạt động và có nguy cơ phá sản.

Cũng theo Khoản 3, Điều 10 của دستور Nghành thì “Các sản phẩm kinh doanh có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu chịu thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa khấu trừ thuế nhập khẩu thì hoàn thuế GTGT theo tháng, quý.” Chúng tôi hiểu rằng quy định hoàn thuế này áp dụng cho các sản phẩm kinh doanh có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là do các sản phẩm này chịu thuế GTGT đầu ra là 0% trong khi đó thuế GTGT đầu vào thì là 5% đến 10% doanh nghiệp chịu thuế GTGT đầu vào thì ngành xuyên chưa khấu trừ hết. Xét trên khía cạnh này, chúng tôi thấy hoạt động của các doanh nghiệp có các sản phẩm chịu thuế nhập khẩu suất 5% nói chung như chúng tôi có cùng tình trạng thuế GTGT đối với các sản phẩm kinh doanh xuất khẩu. Vì cho phép các sản phẩm kinh doanh xuất khẩu được hoàn thuế mà không tính đến các nguồn vốn có thuế suất GTGT đầu ra 5% vô hình chung thì hiện nay phân biệt rõ ràng về thuế giá các doanh nghiệp.

Kiểm nghị:

Miễn các ngành hàng thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân có thuế suất GTGT 5% hiện nay ngành y tế dùng về thuế suất GTGT đầu vào 5% mà không nhận được lợi ích từ các doanh nghiệp cung cấp các mặt hàng này, và miễn bình đẳng giữa hàng hóa nhập khẩu, hàng sản xuất trong nước và hàng xuất khẩu theo đúng tinh thần Hiệp định thương mại thế giới WTO của Chính phủ Việt Nam, chúng tôi xin bổ sung các sản phẩm kinh doanh có hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất GTGT 5% vào làm nhập khẩu hoàn thuế nhập khẩu hàng nhập khẩu của sản phẩm kinh doanh có hàng hóa dịch vụ xuất khẩu.

Theo đó chúng tôi xin đề nghị Bộ Tài chính và Bộ Công Thương (hoặc thêm khoản 4 mục 1 Điều 10 về hoàn thuế cho các lĩnh vực chịu thuế suất GTGT 5%):

“3. Các sản phẩm kinh doanh trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng), quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, **hàng hóa dịch vụ có thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% đến 5%** có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa khấu trừ 300 triệu đồng trở lên thì hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý;

trên hàng p trong tháng, quý s thu giá trị gia tăng u vào ch a c kh u tr ch a 300 tri u ng thì c kh u tr vào tháng, quý ti p theo; tr ng h p v a có hàng hóa, d ch v xu t kh u, hàng hóa d ch v thu xu t giá trị gia tăng 0% n 5% v a có hàng hóa, d ch v tiêu th n i a ho c hàng hóa d ch v có thu xu t thu giá trị gia tăng l n h n 0% n 5% thì c s kinh doanh ph i h ch toán riêng s thu giá trị gia tăng u vào s d ng cho s n xu t kinh doanh hàng hóa, d ch v xu t kh u, hàng hóa d ch v có thu xu t thu giá trị gia tăng 0% n 5% ó tr ng h p không h ch toán riêng c thì s thu u vào xác nh theo t l gi a doanh thu c a hàng hóa, d ch v xu t kh u hàng hóa d ch v có thu xu t thu giá trị gia tăng 0% n 5% trên t ng doanh thu hàng hóa, d ch v .

C s kinh doanh không c hoàn thu i v i tr ng h p hàng hóa nh p kh u xu t kh u, hàng hóa xu t kh u không th c hi n vì c xu t kh u t i a bàn ho t ng h i quan theo quy nh c a Lu t h i quan và các v n b n h ng d n.

C quan thu th c hi n hoàn thu tr c, ki m tra sau i v i ng i n p thu s n xu t hàng hóa thu c i t ng c hoàn thu giá trị gia tăng ~~xu t kh u~~ không vì ph m pháp lu t v thu , h i quan trong th i gian hai n m liên t c; ng i n p thu không thu c i t ng r i ro cao theo quy nh c a Lu t qu n lý thu .”

13. Thu su t thu GTGT áp d ng i v i d ch v xu t kh u

V n :

V n v d ch v xu t kh u ã c nh c n nhi u l n trong các cu c h p tr c ây c a VBF nh ng ây v n là ch c n c xem xét n. Thông t 219/2013/TT-BTC nh ngh a “d ch v xu t kh u” là d ch v cung ng tr c ti p cho t ch c, cá nhân n c ngoài và tiêu dùng ngoài Vi t Nam.

nh ngh a “tiêu dùng ngoài Vi t Nam” không rõ ràng, và trong th c t , các công ty Vi t Nam cung c p d ch v cho khách hàng n c ngoài th ng không th áp d ng m c thu su t GTGT 0% vì c quan thu cho r ng nh ng d ch v này c tiêu dùng Vi t Nam. Thay vào ó, thu su t 10% th ng c áp d ng cho các d ch v này. ây là kho n không th thu h i c i v i khách hàng n c ngoài. Kho n này làm gia t ng chi phí d ch v mua t Vi t Nam, làm cho các nhà xu t kh u d ch v Vi t Nam gi m s c c nh tranh, theo ó, gây thi t h i cho l nh v c quan tr ng c a n n kinh t Vi t Nam.

Vì s thi u rõ ràng c a nh ngh a “tiêu dùng ngoài Vi t Nam”, trong th c t r t ít d ch v c coi là “xu t kh u” cho m c ích thu GTGT. Các c quan thu th ng chú tr ng vào n i th c hi n d ch v h n là n i tiêu dùng d ch v . Ho c, c quan thu l p lu n r ng n u nh ng d ch v này th c hi n Vi t Nam thì theo ó, có liên quan n Vi t Nam và c ng ph i c tiêu dùng Vi t Nam.

Chúng tôi c ng xin l u ý r ng tr ng h p d ch v c cung c p b i m t công ty Vi t Nam cho m t công ty n c ngoài, nh ng sau ó d ch v này s c công ty n c ngoài tính l i cho m t công ty khác Vi t nam, d ch v trong tr ng h p này có th cu i cùng s c tiêu th Vi t Nam. Tuy nhiên trong tr ng h p này, phí d ch v s ch u thu GTGT theo quy nh v thu nhà th u và n u 10% thu GTGT c tính trong hóa n c a công ty Vi t Nam g i cho công ty n c ngoài, i u này s d n n vì c ánh thu hai l n.

Ki n ngh :

Chúng tôi ngh B Tài chính nh ngh a d ch v xu t kh u ch d a trên a i m c a khách hàng (n i xu t hóa n n). i u này m b o r ng ph ng pháp tính thu GTGT c a Vi t Nam cho d ch v xu t kh u phù h p v i quy t c chu n qu c t và các nhà xu t kh u d ch v Vi t Nam không b m t l i th c nh tranh so v i i th n c ngoài c h ng thu su t GTGT 0% cho d ch v xu t kh u.

14. i u kho n b o hành trong h p ng cung c p hàng hóa c a Nhà th u n c ngoài

Vấn đề:

Liên quan đến việc thu thuế hàng hóa kèm theo hàng hóa của Nhà cung cấp ngoài thị trường Việt Nam, đây là một thông lệ phổ biến và hợp lý nhằm tối ưu hóa chi phí cho người mua. Việc thu thuế hàng hóa này luôn tồn tại trong các hợp đồng mua bán, nhưng thực chất đây là khoản chi phí mà bên bán và bên mua không mong muốn áp dụng. Trong trường hợp này, bên bán không phải là đối tượng chịu thuế giá trị hàng hóa. Do vậy, bên bán không phải chịu thuế giá trị hàng hóa, và bên mua có nhu cầu sử dụng hàng hóa coi là phát sinh đối tượng chịu thuế.

Liên quan đến việc tính thuế Nhà thu ngoài việc thu thuế hàng hóa, Chính phủ Việt Nam nói chung và Bộ Tài chính nói riêng, đã có một bước tiến bộ lớn so với những quy định trước thông qua Thông tư 103/2014/TT-BTC, quy định này nhằm tối ưu hóa chi phí cho người mua. Nhà nước Việt Nam đã luôn rõ ràng, đưa ra các quy định phù hợp với thông lệ quốc tế, cũng như luôn cố gắng hỗ trợ các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh tại thị trường Việt Nam. Thông tư 103 đã làm rõ hợp đồng mua bán giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam có kèm theo việc thu thuế hàng hóa của nhà cung cấp không thu thuế nhập khẩu. Tuy nhiên, việc áp dụng các hợp đồng mua bán trước khi thông tư 103 có hiệu lực thì vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất. Mặc dù vậy, hiện nay đã có kiến nghị từ phía các doanh nghiệp và Bộ Tài chính và doanh nghiệp và các ngân hàng để Bộ Tài chính xem xét và điều chỉnh.

Kiến nghị:

Do vậy, để tránh những vướng mắc không mong muốn trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp, tránh tâm lý bất an và hoang mang cho doanh nghiệp, cũng như cho nhà cung cấp ngoài thị trường hàng hóa, đối tượng tại Việt Nam, và thống nhất pháp luật trong quá trình thực hiện chính sách thuế của các quan thuế tại các cửa khẩu, VBF muốn đề nghị Bộ Tài chính sớm có hướng dẫn thống nhất và chi tiết về việc thu thuế hàng hóa của nhà cung cấp hàng hóa có kèm theo việc thu thuế hàng hóa mà không phải là trách nhiệm của bên bán và không kèm theo đối tượng nào khác tại cửa khẩu Việt Nam thì không thu thuế nhập khẩu. Hiện nay, Bộ Tài chính cũng có hướng dẫn về việc thu thuế hàng hóa của các hợp đồng ký kết trước ngày thông tư 103 có hiệu lực.

15. Thu thuế nhập khẩu hàng hóa của nhà cung cấp hàng hóa có kèm theo thuế hàng hóa của nhà thu thuế ngoài cửa khẩu hàng hóa có kèm theo thuế hàng hóa của nhà thu thuế ngoài cửa khẩu hàng hóaVấn đề:

Hiện nay các quan thuế có một vài công văn hướng dẫn (ví dụ, CV 165/TCT-CS, CV1860/TCT-CS) cho rằng nhà thu thuế ngoài cửa khẩu hàng hóa, phân phối hàng hóa tại kho ngoại quan vào nội địa thì thuế nhập khẩu phải nộp tại Việt Nam.

Do đó theo hướng dẫn này, các quan thuế áp dụng cho rằng các hợp đồng mua bán hàng hóa có việc thu thuế hàng hóa tại kho ngoại quan thì nhà thu thuế ngoài cửa khẩu hàng hóa

Kiến nghị:

Bộ Tài chính/Tổng cục Thuế có hướng dẫn cụ thể các trường hợp nộp thuế nhập khẩu hàng hóa tại kho ngoại quan, trường hợp nào phải nộp thuế nhập khẩu, trường hợp nào không phải nộp thuế nhập khẩu.

Chúng tôi cho rằng riêng trường hợp nộp thuế nhập khẩu hàng hóa CIF/FOB kho ngoại quan thì sẽ không phải nộp thuế nhập khẩu.

16. Tỷ lệ phần trăm hành chính 20% trên số tiền thuế tiêu thụ, số tiền thuế hoànVấn đề:

Theo Khoản 2, Điều 6, Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 về các hình thức xử phạt vi phạm hành chính về thuế:

“b) *Đối với hành vi khai sai số tiền thuế phải nộp hoặc trốn thuế hoàn: Phạt 20% số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế hoàn. Mức phạt tiền áp dụng cho người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình và cá nhân theo quy định tại Điều 107 Luật quản lý thuế.*”

Hiện nay, một số doanh nghiệp có số tiền nộp vào Ngân sách Nhà nước liên hệ số tiền thuế phải nộp trên khai, nên tất cả theo dõi tình hình nộp thuế của các doanh nghiệp, hệ thống các cơ quan thuế đang ghi nhận doanh nghiệp nộp thuế. Tuy nhiên, khi cơ quan thuế thực hiện thanh tra, kiểm tra tại doanh nghiệp, cơ quan thuế ngoài việc xác minh số tiền thuế phải nộp, cơ quan thuế cũng ghi nhận mức phạt 20% trên số thuế kê khai thì số thuế dù doanh nghiệp đã thực hiện nộp số thuế phát sinh phải nộp vào Ngân sách Nhà nước trừ đi.

Vấn đề này, việc tính phạt về thuế chủ yếu nên thực hiện vì vi phạm hành vi doanh nghiệp nộp thuế. Trên thực tế, có những Doanh nghiệp vì chưa rõ về chính sách, nên cho dù doanh nghiệp kê khai thuế, nhưng lại nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước. Như vậy, thực chất doanh nghiệp phải nộp thuế, không có ý kê khai sai số tiền thuế phải nộp cho mình riêng của doanh nghiệp, do vậy trường hợp này áp dụng mức phạt 20% trên số thuế thì số thuế kê khai sai là không hợp lý và làm bỏ công bằng. Trường hợp này tất nhiên trường hợp kiểm tra trừ đi khi hoàn thuế, nhưng thực tế lý do các cơ quan thuế thì đúng theo nguyên tắc là không phạt thuế khi doanh nghiệp chưa kê số tiền thuế, có thể là khi doanh nghiệp chưa hoàn thuế thì cơ quan thuế cũng không áp dụng mức phạt 20% trên số thuế chênh lệch giữa số thuế hoàn và số kê khai của Doanh nghiệp.

Kiến nghị:

Thực hiện nhất quán, Bộ Tài chính, Tổng Cục Thuế nên có văn bản hướng dẫn các cơ quan thuế các tỉnh, thành phố về nguyên tắc phạt về thuế, cụ thể: làm rõ, tránh khó hiểu, đối với những trường hợp kê khai sai nhưng không doanh nghiệp nộp thuế hoặc trốn thuế hoàn thì chủ yếu nên phạt vi phạm hành chính theo mức phạt.

Trong tương lai, khi sửa đổi Thông tư hướng dẫn về phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, Bộ Tài chính nên cân nhắc sửa đổi.

17. Tỷ lệ chi mẫn phạt tiền thuế trong các quy định hiện hành

Vấn đề:

Chúng tôi hiểu rằng, Bộ Tài chính luôn cố gắng ban hành những hướng dẫn chi tiết giúp doanh nghiệp có thể hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế của mình đối với Nhà nước. Tuy nhiên lại có sự mâu thuẫn giữa các văn bản pháp luật ban hành các thủ tục khác nhau khi quy định về cùng một vấn đề, khi nào cho doanh nghiệp hết sự hoang mang và lo lắng về sự xác minh số tiền phải nộp mà doanh nghiệp phải thực hiện nộp vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

Ngày 27/02/2015, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 26/2015/TT-BTC hướng dẫn chi tiết về các thủ tục xác minh tỉ lệ chi mẫn phạt tiền thuế như sau:

“e) Trường hợp người nộp thuế khai thuế thì số thuế của người nộp thuế phát sinh trước ngày 01/01/2015 nhưng sau ngày 01/01/2015, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra hoặc người nộp thuế phát hiện thì áp dụng tỉ lệ chi mẫn phạt theo quy định tại khoản 1, Điều 107 Luật quản lý thuế ngày 01/07/2014 và khoản 1, Điều 107 Luật quản lý thuế ngày 01/07/2014 và khoản 1, Điều 107 Luật quản lý thuế ngày 01/07/2014.”

Theo đó, có thể hiểu rằng kể từ ngày 01/01/2015, mức tính tỉ lệ chi mẫn phạt là 0,05% trên số thuế phải nộp, không phân biệt số thuế phải nộp là cho thuế nào. Tuy nhiên, Thông tư 130 ban hành lệ quy định về việc xử phạt số tiền thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước là thuế số thuế quy định, doanh nghiệp phải nộp áp dụng mức tính tỉ lệ chi mẫn phạt theo quy định của văn bản pháp luật có hiệu lực, theo đó việc xử phạt từ 01/07/2014 đến 31/12/2014 số tiền phải nộp áp dụng mức tính tỉ lệ chi mẫn phạt là 0,07% trên số thuế phải nộp kể từ ngày 01/01/2015. Như vậy, cùng một vấn đề

v cách xác nhận số tín dụng chứng minh, ngân hàng 02 văn bản liên hệ ngân hàng khác nhau, khi doanh nghiệp gặp phải trở ngại thì khó khăn khi xác nhận số tín dụng chứng minh.

Kiểm nghị:

Chúng tôi kiến nghị Bộ Tài chính thực hiện hướng dẫn ngân hàng cho các trường hợp, doanh nghiệp có thể hoàn thành đúng và nhanh và tự thu của mình về Ngân sách Nhà nước. Về việc thi hành quản lý trong việc tính tín dụng chứng minh trong các quy định hành, Bộ Tài chính nên có văn bản hướng dẫn thi hành ngân hàng cho các Cục thuế, thành phố thực hiện.

18. Xu hướng

Vấn đề:

Điều 2a, Điều 16, Thông tư 39/2014/TT-BTC:

“ Điều 16. Lộ trình”

2. Cách lập mô hình tiêu thức trên hóa đơn

a) Tiêu thức “Ngày tháng năm” lập hóa đơn

... Ngày lập hóa đơn về cung ứng dịch vụ là ngày hoàn thành việc cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền. Trường hợp phát hành cung ứng dịch vụ thì hiện tại trước hoặc trong khi cung ứng dịch vụ thì ngày lập hóa đơn là ngày thu tiền.

... Ngày lập hóa đơn về xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

Trường hợp giao hàng nhũn hoặc bàn giao hàng hạng mục, công đoạn dịch vụ thì miễn giao hàng hoặc bàn giao phụ lập hóa đơn cho khối lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ giao tiếp.

Về nội dung hình thức cung cấp dịch vụ thông thường, thông tin tiêu chí xác nhận thời điểm xuất hóa đơn là theo ngày hoàn thành dịch vụ. Tuy nhiên hiện tại thì nào là hoàn thành dịch vụ thì chưa có hướng dẫn cụ thể. Trên thực tế, có một số loại hình dịch vụ như các loại dịch vụ thu phí theo giờ, thu phí theo tải phần mềm doanh nghiệp khách hàng, ...sau khi dịch vụ cung cấp theo kế (ví dụ theo giờ, tháng, quý...), hai bên cần thỏa thuận nội dung chi tiết và xác nhận chính xác khối lượng dịch vụ phát sinh các khoản. Khi đó, nếu coi thời điểm hoàn thành dịch vụ là thời điểm cung cấp dịch vụ thì doanh nghiệp thường không xác định chính xác số tín dụng chứng minh ngay tại cuối dịch vụ cung cấp, theo đó, nếu tuân thủ theo quy định, về cách hiểu trên, doanh nghiệp sẽ thường xuyên phải xuất hóa đơn về chi nhánh khi hai bên nghiệm thu các khối lượng cụ thể. Việc này dẫn đến việc DN gặp khó khăn và tuân thủ theo hướng dẫn thì thông tin, và thực hiện theo đúng hướng dẫn đã ký kết.

Về nội dung xây dựng lắp đặt hiện tại có các cách hiểu và áp dụng hướng dẫn của thông tin như sau:

- Hợp đồng xây dựng, lắp đặt ký kết bàn giao theo hạng mục thì rõ ràng xác nhận thời điểm xuất hóa đơn theo hướng dẫn thì thông tin trên biên bản nghiệm thu, bàn giao hạng mục công trình.

- Hợp đồng xây dựng, lắp đặt ký kết thu tiền theo tiến độ thì hiện tại chưa thấy có hướng dẫn cụ thể thì thông tin. Thực tế, DN có thể xuất hóa đơn đúng tiến độ, DN bước đầu chi trả các khoản tiền thu tiền trong hợp đồng sang mục hoàn thành của công trình có thể xuất hóa đơn.

Việc này gây khó khăn cho các DN trong việc xác nhận mục hoàn thành quy định, khi đó khó khăn về mặt quy định là phù hợp với số tín dụng chứng minh theo tiến độ đã ký kết.

Kiểm nghị:

Vấn đề này là một hình thức kinh doanh của khách sạn (khách hàng bắt buộc mua thẻ và thẻ này quy định) nên việc xem đây là một hình thức khuyến mãi và bán hàng chiết khấu giảm giá là đúng và phù hợp với xu hướng phát triển của doanh nghiệp trong việc kinh doanh.

Kiểm tra:

Ông B Tài chính, Tổng Giám đốc Thu nghiên cứu, bổ sung quy định về việc thu GTGT sẽ phải tính nộp trên hàng hóa dịch vụ khuyến mãi không thể hiện theo quy định pháp luật thì ông mới trả nợ hàng khuyến mãi giảm giá theo hình thức thành viên.